

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57 /2021/HSST

Ngày: 24- 02 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN T PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Dĩnh

2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Thăng- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2020/TLST-HS ngày 27/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HS ngày 11/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/HSST- QĐ ngày 27/01/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Y; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 26/6/1966, tại tỉnh Q;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 02, phường N, thành phố Đ, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán;

Trình độ học vấn: 06/12 phổ thông; Con ông: Nguyễn Văn T (Đã chết); Con bà: Trần Thị T (Đã chết); Chồng thứ nhất: Lê Sĩ H (Đã chết), chồng thứ hai: Đoàn Đình L; Bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 1984 (đã chết), nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, từ ngày 12/7/2020 đến ngày 20/7/2020, sau đó áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày xét xử, (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lành Thị C; Địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường N, T phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

2. Chị Lành Thị L; Địa chỉ: Tổ dân phố 21, phường H, T phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt).
3. Chị Hoàng Thị C; Địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường T, T phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt).
4. Anh Nông Văn T; Địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường T, T phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt).
5. Anh Quảng Văn T; Địa chỉ: Bản N, xã H, huyện B, tỉnh B (Có mặt).
6. Chị Lường Thị T; Địa chỉ: Bản N, xã H, huyện B, tỉnh B (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 7/2020, Nguyễn Thị Y đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự, cụ thể:

Từ ngày 07/5/2018 đến ngày 30/5/2020, Nguyễn Thị Y đã cho chị Lành Thị C, vay 10 lần, với tổng số tiền là 43.000.000 đồng, trong đó mỗi lần vay từ 2.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, lãi suất từ 110%/năm đến 480%/năm. C đã trả cho Y 24.000.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi tối đa Y được thu theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 3.233.329 đồng, thu lời bất chính 20.766.671 đồng và C đã trả xong 43.000.000 đồng tiền gốc.

Trong thời gian từ ngày 18/7/2018 đến ngày 04/12/2018, Nguyễn Thị Y đã cho Lành Thị L vay 04 lần, với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 2.000.000 đồng đến 6.500.000 đồng, lãi suất từ 120%/năm đến 360%/năm. L đã trả cho Y 4.650.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi tối đa Y được thu theo quy định là 405.554 đồng, thu lời bất chính 4.244.446 đồng, và L đã trả xong 15.000.000 đồng tiền gốc.

Trong thời gian từ ngày 29/02/2020 đến ngày 29/6/2020, Nguyễn Thị Y đã cho Nông Văn T vay 21 lần, với tổng số tiền là 323.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 5.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, lãi suất từ 360%/năm đến 3.600%/năm. T đã trả cho Y 61.000.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi tối đa Y được thu theo quy định là 2.602.770 đồng, thu lời bất chính 58.397.230 đồng và T đã trả cho Y 233.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 90.000.000 đồng tiền gốc.

Từ ngày 11/11/2019 đến ngày 01/7/2020, Nguyễn Thị Y đã cho vợ chồng Quảng Văn T và Lường Thị T vay 12 lần với tổng số tiền là 228.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 3.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, lãi suất từ 180%/năm đến 2.160%/năm. Vợ chồng T và T đã trả cho Y 107.200.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi tối đa Y được thu theo quy định là 8.148.882 đồng, thu lời bất chính 99.051.118 đồng và vợ chồng T, T đã trả 123.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 105.000.000 đồng tiền gốc.

Từ ngày 14/11/2019 đến ngày 17/6/2020, Nguyễn Thị Y đã cho Hoàng Thị C vay 10 lần, với tổng số tiền là 97.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 2.500.000 đồng đến 30.000.000 đồng, lãi suất từ 192%/năm đến 1.542%/năm. C đã trả cho Y 49.550.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi tối đa Y được thu theo quy định là 3.606.105 đồng, thu lời bất chính 45.943.895 đồng và đã trả 46.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 51.000.000 đồng tiền gốc.

Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo Y và chị Hoàng Thị C trong quá trình điều tra, mặc dù bị cáo thừa nhận cho C vay 10 lần, với tổng số tiền là 97.000.000 đồng, nhưng tại lời khai của C trong quá trình điều tra mới phù hợp với việc vay tiền của bị cáo ngày 02/01/2020, số tiền vay là 30.000.000 đồng, đã trả lãi 06 tháng là 34.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Sau đó chị C không có mặt ở địa phương và vắng mặt tại phiên tòa không rõ đi đâu làm gì, nên tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tách số tiền 67.000.000 đồng của 09 lần bị cáo cho C vay để xử lý sau. Giữ nguyên truy tố số tiền Y cho chị C vay 30.000.000 đồng ngày 02/01/2020, vay trong thời gian 06 tháng (từ ngày 02/01/2020 đến ngày 02/7/2020) với lãi xuất là 6.666đ/1triệu/1 ngày. Chị C đã trả lãi 06 tháng với số tiền là 34.000.000đ tương đương lãi suất 226%/năm. Số tiền lãi Y được thu tối đa theo quy định là 3.000.000đ; số tiền thu lời bất chính là 31.000.000 đ.

Trong 48 lần cho vay, lần Y cho chị Hoàng Thị C vay 30.000.000 đồng, trong thời hạn 06 tháng, với lãi suất 226%/năm, thu lời bất chính 31.000.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Thị Y cho anh Quảng Văn T, chị Lường Thị T, anh Nông Văn T, chị Lành Thị L, chị Hoàng Thị C, chị Lành Thị C vay với số tiền là 639.000.000đ. Số tiền gốc mà Quảng Văn T, Lường Thị T, Nông Văn T, Lành Thị L, Hoàng Thị C, Lành Thị C đã trả cho Y là 414.000.000.000đ. Số tiền vay gốc mà Quảng Văn T, Lường Thị T, Nông Văn T, Hoàng Thị C còn nợ Y là 225.000.000đ. Số tiền lãi Y được thu tối đa theo quy định của pháp luật là 17.390.535đ, số tiền Y thu lời bất chính của Quảng Văn T, Lường Thị T, Nông Văn T, Lành Thị L, Hoàng Thị C, Lành Thị C là 213.459.465đ.

Tại bản Kết luận giám định số 689/GĐ-PC09 ngày 17/7/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, kết luận: Chữ viết trên các tài liệu cụ thể: Giấy vay tiền đề ngày 01/01/2020, giấy vay tiền đề ngày 11/11/2019, Quyền sở bìa màu đen mặt trước ghi DIARY, gồm 94 trang được đánh thứ tự từ trang 01 đến trang 94, tại trang 68 có nội dung “ Hôm nay vợ chồng T, T có vay.....T phải chịu” với chữ viết tay trên bản tự khai do Nguyễn Thị Y đề ngày 12/7/2020 do cùng một người viết ra.

Tại bản Kết luận giám định số 744/GĐ - PC09 ngày 05/8/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, kết luận:

- Chữ viết tay trong quyển sổ Hải Tiến có bìa màu đỏ mặt trước có ghi “ Sổ ghi nợ nợ, tiền ở đây ở đây”, mặt sau có ghi “ Sổ ghi nợ nợ” gồm 160 trang được đánh theo số thứ tự từ 01 đến 160, ở các trang có chữ viết tay: 1, 2, 3, 5, 6, 10, 11, 13, 14, 15, 40, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 55, 63, 64, 66, 67, 68, 70, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 79, 80,

83, 85, 87, 88, 90, 92, 93, 94, 95, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 121, 123, 124, 148, 149, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 159, 160 với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Y đề ngày 12/7/2020 do cùng một người viết ra. Một phần chữ viết ở các trang 32, 33, 34, 35, 36, 38, 44, 45, 52, 53, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 65, 69, 78, 84, 89, 120 với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Y đề ngày 12/7/2020 do cùng một người viết ra.

Chữ viết ở các trang 39, 54, 122, 125, 127, 142, 143 với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Y đề ngày 12/7/2020 không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trong quyển sổ có bìa màu đen mặt trước ghi DIARY gồm 94 trang được đánh theo thứ tự từ 01 đến 94, ở các trang có chữ viết tay. Cụ thể các trang: 01, 02, 32, 72, 74, 75, 78, 80, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93 với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Y đề ngày 12/7/2020 do cùng một người viết ra.

Chữ viết ở các trang 08, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 70, 73, 92, 93 với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Y đề ngày 12/7/2020 không phải do cùng một người viết ra.

Một phần chữ viết ở trang 71 với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Y đề ngày 12/7/2020 do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trong quyển sổ quản lý kinh doanh dịch vụ lưu trú, tên cơ sở kinh doanh Nguyễn Thị Y, địa chỉ: Tổ 2, phường N, T phố Đ gồm 119 trang được đánh theo số thứ tự từ 01 đến 119, ở các trang 01, 02, 03 với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Y đề ngày 12/7/2020 do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên các tài liệu 02 tờ giấy kẻ ngang, 03 tờ giấy A4 với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Y đề ngày 12/7/2020 do cùng một người viết ra.

Tại bản cáo trạng số 136/CT-VKSTPĐBP ngày 27/11/2020, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Y về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Y về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Y từ 12 đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47/BLHS, điểm a, b khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu sung ngân sách số tiền 414.000.000đ tiền gốc và 17.349.439đ tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đã trả cho bị cáo. Tịch thu sung ngân sách nhà nước của Hoàng Thị C số tiền 30.000.000đ, Nông Văn T 90.000.000đ, Quảng Văn T và Lương Thị T 105.000.000đ, là số tiền bị cáo cho C, T, T, T vay nhưng chưa trả. Buộc bị cáo Y phải trả cho Lành Thị C 20.766.671đ, Lành Thị L 4.244.446đ, Hoàng Thị C 31.000.000đ, Nông Văn T 58.397.230đ, Quảng Văn T, Lương Thị T 99.051.118đ, tiền bị cáo thu lời bất chính.

Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Y 01 xe mô tô biển kiểm soát 27B1 – 145.59, kèm đăng ký xe để đảm bảo việc thi Hình án.

Trả lại bị cáo 03 thẻ tiết kiệm mang tên Nguyễn Thị Y, vì 03 thẻ tiết kiệm này bị cáo đã rút hết số tiền trong thẻ.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quàng Văn T, Lường Thị T trình bày: Do cần tiền để mua gạo, nên anh T, chị T đã vay tiền của Y nhiều lần như cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát. Hiện tại anh T, chị T còn nợ bị cáo Y số tiền gốc là: 105.000.000đ.

Bị cáo Y không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về Hình vi của bị cáo bị truy tố: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập lưu hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ ngày 07/5/2018 đến ngày 01/7/2020, trên địa bàn T phố Đ, Nguyễn Thị Y đã 48 lần cho Lành Thị C; Lành Thị L; Hoàng Thị C; Nông Văn T và vợ chồng Quàng Văn T, Lường Thị T vay tổng số tiền là 639.000.000 đồng với lãi suất cao hơn gấp 5 lần mức lãi suất cao nhất là 20%/năm, theo quy định của Bộ luật dân sự, thu được 230.850.000 đồng tiền lãi, mà số tiền lãi tối đa Y được thu theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 17.349.439 đồng, thu lời bất chính 212.500.561 đồng. Những người vay đã trả cho bị cáo 414.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 225.000.000 đồng tiền gốc.

Hình vi của bị cáo Y là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào quy định của NH nước về hoạt động tín dụng gây thiệt hại cho lợi ích của người đi vay, vi phạm pháp luật. Nguyễn Thị Y là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/ BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52/ BLHS. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và nộp cho Tòa án 01 phiếu siêu âm của bệnh viện đa khoa tỉnh B chẩn đoán: TuY giáp thùy phải có vài nhân hỗn hợp, kích thước nhân lớn nhất 26x14mm, nang nhỏ thùy trái giáp. 01 phiếu siêu âm của Bệnh viện đa khoa tỉnh B chẩn đoán: Đau sơ tử cung, tụ máu trong buồng tử cung, buồng tử cung có máu tụ kích thước 37 x 87 mm, T tử cung có vài khối giảm âm, kích thước khối lớn 78 x 85

mm, gan nhiễm mỡ, kết quả xét nghiệm chẩn đoán rối loạn chuyển hóa acid béo, viêm cầu thận cấp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan Quảng Văn T, Lường Thị T, Lành Thị C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân T phố Đ, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Thị Y về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 2 Điều 201, Bộ luật Hình sự, là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân Hàng, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo nghiêm bằng hình phạt tù, để bị cáo có điều kiện được giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt sau này, cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, với hành vi phạm tội của bị cáo, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thật thà khai báo, bị cáo đang mắc nhiều căn bệnh, Nên mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là cao, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an T phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân T phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng. Do đó, Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tách số tiền 67.000.000 đồng của 09 lần bị cáo cho chị C vay để xử lý sau. Xét việc đề nghị này là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về vật chứng của vụ án:

[4.1.] Tổng số tiền Nguyễn Thị Y cho Quảng Văn T, Lường Thị T, Nông Văn T, Lành Thị L, Hoàng Thị C, Lành Thị C vay là 639.000.000đ. Số tiền gốc mà Quảng Văn T, Lường Thị T, Nông Văn T, Lành Thị L, Hoàng Thị C, Lành Thị C đã trả cho Y là 414.000.000đ, đây là phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung quỹ NH nước.

[4.2.] Số tiền 17.390.535 đ, là tiền lãi Y được thu tối đa theo quy định của pháp luật, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm mà có, nên cần tịch thu sung công quỹ NH nước.

[4.3.] Quá trình điều tra đã xác định, những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Y nhưng hiện chưa trả cho bị cáo. Đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan đến vụ án nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Hoàng Thị C, trú tại tổ dân phố 9, phường T, T phố Đ, tỉnh B, phải nộp số tiền 30.000.000 đồng.

- Nông Văn T, trú tại tổ dân phố 9, phường T, T phố Đ phải nộp số tiền 90.000.000 đồng.

- Quảng Văn T và Lương Thị T, trú tại bản N, xã H, huyện B phải nộp số tiền 105.000.000 đồng.

[4.4.] Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà Nguyễn Thị Y thu lời bất chính của người có quyền L, nghĩa vụ L quan, xét thấy khi vay tiền, người vay không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp, nên cần buộc Nguyễn Thị Y phải trả lại cho người có quyền L, nghĩa vụ L quan. Cụ thể:

- Trả cho Lành Thị C, trú tại tổ dân phố 02, phường N, T phố Đ, tỉnh B, số tiền 20.766.671 đồng.

- Trả cho Lành Thị L, trú tại tổ dân phố 21, phường H, T phố Đ, tỉnh B, số tiền 4.244.446 đồng.

- Trả cho Hoàng Thị C, trú tại tổ dân phố 9, phường T, T phố Đ, tỉnh B, số tiền 31.000.000 đồng.

- Trả cho Nông Văn T, trú tại tổ dân phố 9, phường T, T phố Đ, tỉnh B số tiền 58.397.230 đồng.

- Trả cho vợ chồng Quảng Văn T và Lương Thị T, trú tại bản N, xã H, huyện B, tỉnh B số tiền 99.051.118 đồng.

[4.5.] Những tài liệu L quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần lưu vào hồ sơ vụ án gồm: 01 (một) quyển sổ tay màu đỏ, bên ngoài có chữ viết tay “Sổ ghi nợ”, bên trong thể hiện nhiều nội dung L quan đến vay nợ và có kẹp 02 (hai) phiếu thu tiền nước của CTCP cấp nước B, mặt sau phiếu có thể hiện các chữ số viết tay; 01 (một) tờ giấy trắng một mặt có ghi các chữ số viết tay, tất cả đều thể hiện nội dung việc vay nợ, 01 (một) quyển sổ tay màu nâu, bên trong có các con số, chữ viết tay, 01 (một) quyển sổ quản lý kinh doanh dịch vụ lưu trú, mặt trước có ghi chữ viết tay nội dung ghi nợ, bên trong có nhiều chữ và số viết tay nội dung vay nợ, 03 (ba) tờ giấy trắng có chữ viết tay nội dung cho vay tiền, 01 (một) sổ tay màu đen hiệu DIARY bên trong có nhiều chữ số viết tay thể hiện nội dung ghi nợ, có kẹp 10 tờ giấy có chữ, sổ viết tay thể hiện vay nợ, 01 (một) tờ giấy A4 có chữ viết, số viết tay thể hiện nội dung vay nợ, 01 (một) quyển sổ tay bìa màu trắng, hoa văn đen hiệu JOURNAL, bên trong có các chữ số, số thể hiện nội dung vay nợ.

- 03 (ba) thẻ tiết kiệm có kỳ hạn của Nguyễn Thị Y, thể hiện tổng số tiền trong sổ là 300.000.000đ, quá trình chuẩn bị xét xử, xác minh số tiền trong các sổ tiết kiệm bị cáo đã rút hết, nên cần trả lại 03 thẻ tiết kiệm cho bị cáo.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu đỏ đen, BKS: 27B1-145.59, số khung: 2402BY192566, số máy: JF24E0775702, xe cũ đã qua sử dụng, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 077099 mang tên Nguyễn Thị Y, không L quan đến Hành vi phạm tội, tuy nhiên cần giữ lại để bảo đảm cho công tác thi Hành án.

[5.] Các vấn đề khác: Quá trình điều tra, cơ quan C sát điều tra đã thu giữ nhiều giấy tờ tài liệu, đồ vật, tài sản tại nH của Nguyễn Thị Y, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định không L quan đến Hnh vi phạm tội, cơ quan điều tra đã trao trả các tài liệu, chứng cứ, đồ vật cho chủ sở hữu, xét thấy việc trao trả này là có căn cứ, cần chấp nhận. Cụ thể:

- Trao trả cho chủ sở hữu là bà Lò Thị L, trú tại: Tổ 8, phường N, T phố Đ, tỉnh B gồm: 01 (một) camera hình chiếc loa có màu đen, trên camera có nhãn hiệu dahua C39, trong camera có 01 (một) thẻ nhớ 16GB.

- Trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lành Thị C, trú tại: Tổ dân phố 2, phường N, T phố Đ, tỉnh B gồm: 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK907453.

- Trao trả cho anh Quảng Văn T, trú tại: Đội 10, xã H, huyện B, tỉnh B gồm: 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH00129; 01 (một) sổ hộ khẩu số: 180162423; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 040411298 mang tên Quảng Văn T.

- Trao trả cho chị Lương Thị T, trú tại: Đội 10, xã H, huyện B, tỉnh B gồm: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 040351687 mang tên Lương Thị T.

- Trao trả cho bà Nguyễn Thị Y, trú tại: Tổ dân phố 2, phường N, T phố Đ, tỉnh B gồm: 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lò Văn Mạnh, Sinh năm 1990, trú tại: Na Son, B Đông; 01 (một) phiếu lĩnh lương số 1296001559 mang tên Nguyễn Thị Dung, trú tại: Tổ 15, phường H, T phố Đ; 01 (một) sổ hộ khẩu (sao y) số 30, chủ hộ mang tên Ngô Văn Năm; SN 1968; Trú tại: Tổ 9, phường T, Tp Đ, tỉnh B; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô số 110163004019 mang tên Đoàn Đình L; SN 1974; Trú tại: phường N, T phố Đ, tỉnh B; 01 (một) giấy vay tiền ngày 04/01/2019, bên trong có chữ ký mang tên Lù Thị Hiền; SN 1959; Trú tại: phường N, T phố Đ, tỉnh B; 01 giấy cam kết mang tên Hoàng Thị Trinh; Trú tại: SN22, bản Noong Chứn, phường N, T phố Đ, tỉnh B; 03 (ba) giấy chứng minh thư nhân dân (bản photo) mang tên: Lê Thị L Anh, SN 1989, trú tại: Thanh Luông, huyện B, tỉnh B; Đoàn Thị Hương, SN 1960, trú tại: phường N, T phố Đ, tỉnh B; Đặng Xuân Hưng, SN 1988, trú tại: Xuân Giao, Bảo Thắng, Lào Cai; 01 (một) sổ hộ khẩu số 180019012, chủ hộ mang tên Nguyễn Thị Y, SN 1966, trú tại: Tổ 2, phường N, T phố Đ; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH24551 mang tên Nguyễn Thị Y, Sinh năm 1966; 01 (một) điện thoại di động SAMSUNG GALAXY J3 màu vàng, màn hình bị vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy bên trong; 01 (một) điện thoại di động SAMSUNG GALAXY J2 Pro màu đen, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy bên trong; 01 (một) cây máy tính CPU Viettech cũ đã qua sử dụng vỏ màu đen; 01 (một) sổ hộ khẩu số 180133032, chủ hộ mang tên Hoàng Thị Bình, SN 1957, trú tại: Tổ 9, phường T, T phố Đ, tỉnh B; 01 (một) chứng minh nhân dân số 040064289 mang tên Hoàng Thị Bình; 01 (một) phiếu lĩnh lương hưu số 129703565 mang tên Nguyễn Thị Bch, trú tại: Xã Thanh Hưng, huyện B; 01 (một) phiếu lĩnh lương hưu số 1297012214 mang tên Lê Thị Xuân, trú tại: phường Tân Thanh, T phố

Đ; 01 (một) phiếu thu nợ mang tên Lê Thị Xuân mặt sau có chữ viết tay thể hiện nội dung vay nợ; 01 (một) thẻ chi trả số 0011381000032375 mang tên Lê Thị Xuân; 01 (một) tờ giấy ghi nội dung thông tin thẻ chi trả mang tên Lê Thị Xuân.

- Trao trả cho bà Bùi Thị Thúy, trú tại: Tổ 9, phường T, T phố Đ, tỉnh B gồm: 01 (một) sổ hộ khẩu số 08, chủ hộ mang tên Bùi Văn Dũng, SN 1968, trú tại: Tổ 11, phường T, T phố Đ.

- Trao trả cho anh Nguyễn Viết Tiến (Nguyễn Việt Tiến), trú tại: phường Noong Bua, T phố Đ, tỉnh B gồm: 01 (một) chứng minh nhân dân số 040321906 mang tên Nguyễn Viết Tiến; SN 1987; Trú tại: phường Noong Bua, T phố Đ, tỉnh B; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô số Z937342 mang tên Nguyễn Viết Tiến; SN 1987; Trú tại: Sông Đà, thị xã Mường Lay, tỉnh B.

- Trao trả cho anh Nông Văn T, trú tại: Phường T, T phố Đ, tỉnh B gồm: 01 (một) giấy phép lái xe mô tô số 110105003919 mang tên Nông Văn T; SN 1987; Trú tại: phường T, T phố Đ, tỉnh B; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 035461 mang tên Nông Văn T.

Đối với hành vi cưỡng đoạn tài sản của Lê Sỹ B (theo tố giác của bà Lò Thị L), cũng như những tài liệu đã thu giữ khi khám xét nơi ở của B thể hiện việc B cho người khác vay tiền với lãi suất cao; Quá trình điều tra xác định hiện Lê Sỹ B không có mặt tại địa phương nơi cư trú, B đi đâu, làm gì gia đình và chính quyền địa phương không nắm được. Cơ quan CSĐT Công an T phố Đ chưa thu thập đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của Lê Sỹ B, do vậy việc tách toàn bộ nội dung cũng như đồ vật, tài liệu có liên quan đến Lê Sỹ B ra để xử lý sau là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Y phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Y phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Y 09 (Chín) tháng tù, khấu trừ thời hạn tạm giữ là 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 08 tháng 21 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

2.1. Tịch thu, sung ngân sách nhà nước số tiền 431.390.535đ của bị cáo Nguyễn Thị Y (Trong đó: 414.000.000đ tiền gốc và 17.390.535 đ tiền lãi).

2.2. Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp lại số tiền đã vay của bị cáo Y nhưng hiện chưa trả cho bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Hoàng Thị C, trú tại tổ dân phố 9, phường T, T phố Đ, tỉnh B phải nộp số tiền 30.000.000 đồng.

- Nông Văn T, trú tại tổ dân phố 9, phường T, T phố Đ phải nộp số tiền 90.000.000 đồng.

- Quàng Văn T và Lường Thị T, trú tại bản Nà Hỳ, xã H, huyện B, tỉnh B phải nộp số tiền 105.000.000 đồng.

2.3. Buộc Nguyễn Thị Y phải trả lại cho người có quyền L, nghĩa vụ L quan các khoản tiền mà Nguyễn Thị Y thu lời bất chính. Cụ thể:

- Trả cho Lành Thị C, trú tại tổ dân phố 02, phường N, T phố Đ, tỉnh B số tiền 20.766.671 đồng.

- Trả cho Lành Thị L, trú tại tổ dân phố 21, phường H, T phố Đ, tỉnh B 4.244.446 đồng.

- Trả cho Hoàng Thị C, trú tại tổ dân phố 9, phường T, T phố Đ, tỉnh B số tiền 31.000.000 đồng.

- Trả cho Nông Văn T, trú tại tổ dân phố 9, phường T, T phố Đ, số tiền 58.397.230 đồng.

- Trả cho vợ chồng Quàng Văn T và Lường Thị T, trú tại bản Nà Hỳ, xã H, huyện B, tỉnh B số tiền 99.051.118 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hình án của người được thi Hình án cho đến khi thi Hình xong, người phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự

2.4. Giữ lại để bảo đảm cho công tác thi Hình án: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu đỏ đen, BKS:27B1-145.59, số khung: 2402BY192566, số máy: JF24E0775702, xe cũ đã qua sử dụng, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 077099 mang tên Nguyễn Thị Y.

2.5. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Y 03 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Y phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền L, nghĩa vụ L quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề L quan đến quyền L, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền L, nghĩa vụ L quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề L quan đến quyền L, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì

người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL và NV L quan;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- NH tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành